TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18-11-2019
V/v: "Ly hôn, con chung giữa chị H, anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Kiêm;

Ông Nguyễn Văn Hóa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huê – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 197/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 52/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05-11-2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Xóm 19, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Xóm 19, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh

Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24-5-1996. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ của T. Năm 1997 thì được bố mẹ đẻ anh T cho đất, vợ chồng xây nhà ra ở riêng. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn, bản thân anh T luôn nghi ngờ chị H không chung thủy, từ đó trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, anh T nhiều lần đánh chửi chị H. Tháng 02-2019 chị H đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm và trách nhiệm với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H làm đơn xin được ly hôn anh Tản.

Về con chung: Chị H và anh Tcó 03 con chung là cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 02-7-1997, cháu Nguyễn Mạnh T2, sinh ngày 21-7-2003 và cháu Nguyễn Văn T3, sinh ngày 24-6-2010, hiện cháu T1 đã trưởng thành, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu ly hôn chị H xin được nuôi 02 cháu T2 và cháu T3 và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Phạm Thị H trình bày vợ chồng đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau về tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26-7-2019, bị đơn anh Nguyễn Văn T có lời trình bày phù hợp với lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T, chị H có hành vi không chung thủy anh đã tha thứ nhưng chị H không thay đổi. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh, anh cũng nhất trí ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có 03 con chung như chị H trình bày. Nếu ly hôn, anh tôn trọng ý kiến của các con, con nào có nguyện vọng ở với ai anh hoàn toàn toàn nhất trí.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T trình bày, vợ chồng có 01 nhà mái bằng 02 tầng diện tích 100 m^2 và công trình phụ 40 m^2 xây trên diện tích 168m^2 đất. Nguồn gốc đất là do anh mua từ trước khi kết hôn và một số khoản nợ chung vay của người thân để xây nhà và làm ăn. Anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án đã thông báo cho anh T biết về việc nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản nhưng anh T không nộp và cũng không có ý kiến nào khác.

Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ quan điểm như đã trình bày, về tài sản chị H bổ sung, trước khi làm đơn xin ly hôn giữa chị và anh T đã thỏa thuận giải quyết xong, anh T lấy nhà đất và có trách nhiệm trả các khoản nợ chung cho người thân. Quá trình giải quyết anh T gây khó khăn cho việc ly hôn, anh khai có tài sản chung đề nghị Tòa án giải quyết nhưng không nộp án phí chia tài sản và không đến Tòa án làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phám và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không nộp tạm ứng án phí, không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không giải quyết tài sản chung và công nợ chung và không tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật được. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt không có ly do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Phạm Thị H ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung, giao 02 con chung cháu Nguyễn Mạnh T2, sinh ngày 21-7-2003 và cháu Nguyễn Văn T3, sinh ngày 24-6-2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 02, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 24-5-1996. Do làm ăn kinh tế khó khăn và trong cuộc sống vợ chồng tính tình hai người không hợp, quan điểm lối sống khác nhau, anh T nghi ngờ chị H không chung thủy nên thường xuyên xảy ra xô xát đánh cãi chửi nhau. Tháng 2 năm 2019, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau từ đó đến nay nên chị H đề nghị xin được ly hôn với anh T.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T thì thấy: Trong cuộc sống vợ chồng thiếu tin tưởng nhau, cộng thêm tính tình hai người không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên thường xuyên xảy ra xô xát đánh cãi chửi nhau, đến nay chị H và anh T đã sống ly thân, nhưng 02 bên không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận

nguyện vọng xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T có 03 con chung là cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 02-7-1997, cháu Nguyễn Mạnh T2, sinh ngày 21-7-2003 và cháu Nguyễn Văn T3, sinh ngày 24-6-2010, hiện cháu T1 đã trưởng thành. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị H xin được nuôi 02 con chung là cháu T2 và cháu T3 và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000đ. Ý kiến của anh T để các cháu tự quyết định ở với ai anh cũng nhất trí.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị H thì thấy: Quá trình giải quyết vụ án cháu T3 có lời khai xin được ở với chị H, cháu T 2 đi làm kinh tế ở xa nên không ghi được ý kiến. Tại phiên tòa chị H trình bày có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, hàng tháng chị H vẫn còn phải gửi tiền để nuôi dưỡng cháu T2. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của 02 con nên giao 02 con chung là cháu T2 và cháu T3 cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị H yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên cần buộc anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H mỗi tháng, mỗi cháu 1.000.000đ như đề nghị của chị H là phù hợp. Anh T được quyền thăm con chung không ai được cản trở việc anh T thực hiện quyền thăm con, nhưng không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và công nợ: Chị H không yêu cầu giải quyết tài sản chung và công nợ chung. Anh T đề nghị giải quyết về tài sản nhưng không nộp tạm ứng án phí chia tài sản. Căn cứ Điều 149 và Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không giải quyết yêu cầu phân chia tài sản của anh T là đúng quy định của pháp luật. Sau này, hai bên đương sự có yêu cầu phân chia tài sản chung sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 149, Điều 192, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh T2, sinh ngày 21-7-2003 và cháu Nguyễn Văn T3, sinh ngày 24-6-2010 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi 02 cháu thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H mỗi cháu, mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ tháng 12-2019 và được quyền đi lại chăm sóc con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000524 ngày 23-7-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H; chị H đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự bị đơn, người phải thi hành án dân sự nguyên đơn có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND huyện + Tỉnh: 02 bản;
- Chi cục THA dân sự huyện H: 01 bản;
- UBND xã H: 01 bản;
- Mỗi đương sự: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 02 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thúy Nga